

Số : 621/TB-GDDT

Quận 4, ngày 24 tháng 8 năm 2017

THÔNG BÁO
Điểm xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 4
Năm 2017

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ về ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Quy chế thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và Nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy định về tuyển dụng viên chức và xếp lương khi bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp;

Căn cứ Kế hoạch số 452/KH-GDDT ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 4 về tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 4 năm học 2017-2018;

Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 4 thông báo điểm xét tuyển của các thí sinh tham dự kỳ xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 4 năm 2017 (danh sách đính kèm) để thí sinh được biết./.

Nơi nhận:

- P. Nội vụ Q.4;
- Các trường MN, TiH, THCS;
- Lưu: VT, TC.

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Minh Ngôn



LÝ BAN NHÂN DÂN QUẬN 4
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỂM XÉT TUYỂN VIỆN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2017

(Kèm theo Thông báo số 621 /TB-GDDT ngày 21 tháng 8 năm 2017)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Đơn vị dự tuyển	Điểm học tập (hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (hệ số 1)	Điểm sát hạch (hệ số 2)	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ								
1	Nguyễn Thị Cẩm Vân		22/08/1996	Trung cấp	SP mầm non	Trường Mầm Non 2	77,0	80,0	148,0	305,0	
2	Lương Thị Kim Gắm		12/02/1993	Cao đẳng	GĐ Mầm non	Trường Mầm Non 2	73,0	73,0	180,0	326,0	
3	Lưu Thanh Hằng		08/09/1987	Đại học	GĐ Mầm non	Trường Mầm Non 3	74,2	74,2	Vắng	148,4	Không đạt
4	Nguyễn Thị Kim Ngoan		22/01/1980	Trung cấp	SP Mầm non	Trường Mầm Non 8	78,0	80,0	150,0	308,0	
5	Nguyễn Ngọc Tuyên		20/10/1988	Cao đẳng	GĐ Mầm non	Trường Mầm Non Sao Mai 12	70,9	60,0	154,0	284,9	
6	Trần Thị Quỳnh Linh		09/11/1995	Trung cấp	SP Mầm non	Trường Mầm Non Sao Mai 12	74,3	50,0	148,0	272,3	
7	Trần Tuyết Lệ		20/04/1990	Cao đẳng	GĐ Mầm non	Trường Mầm non Sao Mai 13	75,3	75,3	162,0	312,6	
8	Phan Thị Thu Dung		01/08/1996	Trung cấp	SP mầm non	Trường MG Tuổi Xanh 16	71,0	52,0	160,0	283,0	
9	Nguyễn Thị Mỹ Linh		30/09/1995	Trung cấp	SP Mầm non	Trường MG Tuổi Xanh 16	74,0	63,0	152,0	289,0	
10	Trần Mỹ Cúc		04/08/1993	Trung cấp	SP Mầm non	Trường Mầm non Càng	83,0	90,0	168,0	341,0	
11	Nguyễn Kim Oanh		26/04/1995	Trung cấp	GĐ Mầm non	Trường Mầm Non Càng	75,0	73,0	150,0	298,0	
12	Lê Thụy Khánh Linh		25/06/1996	Trung cấp	SP Mầm non	Trường MN Nguyễn Tất Thành	77,0	85,0	170,0	332,0	

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Đơn vị dự tuyển	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm sát hạch	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ				(hệ số 1)	(hệ số 1)	(hệ số 2)		
13	Nguyễn Hoàng Anh		16/02/1994	Cao đẳng	GĐ Tiểu học	Trường TH Đoàn Thị Diễm	70,1	70,1	148,0	288,2	
14	Trần Thị Hoàng Trúc		11/05/1995	Đại học	GĐ Tiểu học	Trường TH Đoàn Thị Diễm	75,1	70,0	178,0	323,1	
15	Vương Kim Dung		14/01/1987	Đại học	GĐ Tiểu học	Trường TH Bến Càng	64,9	55,0	172,0	291,9	
16	Kiều Thị Mộng Thi		14/10/1993	Cao đẳng	GĐ Tiểu học	Trường TH Bến Càng	70,7	70,7	Vắng	141,4	Không đạt
17	Phù Ngọc Mai		26/06/1995	Đại học	GĐ Tiểu học	Trường TH Bến Càng	78,9	85,0	165,0	328,9	
18	Nguyễn Hoàng Vy		23/06/1992	Cao đẳng	GĐ Tiểu học	Trường TH Bến Càng	67,1	67,1	154,0	288,2	
19	Trần Thị Thanh Hà		09/12/1981	Cao đẳng	GĐ Tiểu học	Trường TH Nguyễn Trường Tộ	71,2	80,0	Vắng	151,2	Không đạt
20	Nguyễn Nhật Thảo		07/06/1995	Cao đẳng	GĐ Tiểu học	Trường TH Nguyễn Trường Tộ	65,2	53,0	136,0	254,2	
21	Đặng Diệp Tố		25/02/1984	Cao đẳng	SP Âm nhạc	Trường TH Vĩnh Hội	62,3	62,3	Vắng	124,6	Không đạt
22	Hồ Thị Diễm Phương		02/12/1972	Cao đẳng	GĐ Tiểu học	Trường TH Vĩnh Hội	76,5	60,0	176,0	312,5	
23	Nguyễn Thị Thanh Thảo		08/04/1995	Đại học	GĐ Tiểu học	Trường TH Vĩnh Hội	80,1	80,1	152,0	312,2	
24	Nguyễn Thị Kim Dung		30/01/1986	Đại học	GĐ Tiểu học	Trường TH Xóm Chiếu	68,4	65,0	170,0	303,4	
25	Bùi Thị Thu Kiều		21/04/1991	Đại học	GĐ Tiểu học	Trường TH Nguyễn Thái Bình	64,0	50,0	166,0	280,0	
26	Nguyễn Minh Trí	04/05/1993		Cao đẳng	GĐ Tiểu học	Trường TH Nguyễn Thái Bình	64,8	64,8	166,0	295,6	
27	Cao Ngọc Phương Trinh		22/07/1993	Đại học	GĐ Tiểu học	Trường TH Nguyễn Thái Bình	63,0	55,0	180,0	298,0	

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Đơn vị dự tuyển	Điểm học tập (hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (hệ số 1)	Điểm sát hạch (hệ số 2)	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ								
28	Huỳnh Thị Kim Hạnh		21/03/1983	Đại học	GD Tiểu học	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	63,8	55,0	150,0	268,8	
29	Trương Thị Hậu		16/06/1986	Đại học	GD Tiểu học	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	62,4	50,0	168,0	280,4	
30	Nguyễn Vương Thái Hòa		26/04/1995	Đại học	GD Tiểu học	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	73,4	80,0	162,0	315,4	
31	Trần Khánh Ngọc		02/08/1995	Đại học	GD Tiểu học	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	81,4	80,0	Vắng	161,4	Không đạt
32	Phạm Thị Ngọc Thủy		14/01/1989	Cao đẳng	GD Tiểu học	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	78,5	85,0	Vắng	163,5	Không đạt
33	Phạm Thị Minh Thư		07/07/1989	Đại học	GD Tiểu học	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	69,0	69,0	182,0	320,0	
34	Mai Nguyễn Ngọc Hương		17/09/1991	Đại học	GD Tiểu học	Trường TH Nguyễn Huệ 3	67,0	60,0	164,0	291,0	
35	Châu Hà Mộng Trúc		30/01/1994	Đại học	GD Tiểu học	Trường TH Tăng Bạt Hổ B	80,0	85,0	170,0	335,0	
36	Nguyễn Mai Hoàng Anh		16/12/1990	Cao đẳng	Tiếng Anh	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	61,6	55,0	168,0	284,6	
37	Nguyễn Thị Mỹ Dung		03/06/1991	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Trường TH Nguyễn Thái Bình	75,0	75,0	174,0	324,0	
38	Huỳnh Thị Mai Hòa		31/03/1981	Đại học	SP Tiếng Anh	Trường TH Nguyễn Thái Bình	76,1	70,0	96,0	242,1	Không đạt
39	Võ Thị Hồng Hạnh		25/02/1994	Cao đẳng	Tiếng Anh	Trường TH Nguyễn Huệ 3	59,5	50,0	134,0	243,5	
40	Phan Thị Huyền Trang		25/11/1985	Đại học	SP Tiếng Anh	Trường TH Tăng Bạt Hổ B	75,9	75,9	144,0	295,8	
41	Nguyễn Thị Thanh Trà		15/02/1993	Đại học	SP Tiếng Anh	Trường TH Xóm Chiếu	66,4	66,4	Vắng	132,8	Không đạt
42	Lê Thúy Uyên		14/10/1980	Đại học	Ngữ văn Anh	Trường TH Xóm Chiếu	61,8	61,8	160,0	283,6	

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Đơn vị dự tuyển	Điểm học tập (hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (hệ số 1)	Điểm sát hạch (hệ số 2)	Kết quả	Ghi chú
		Nam	Nữ								
43	Lê Thị Bích Ngọc		01/08/1994	Đại học	SP Mỹ thuật	Trường THCS Chi Lăng	78,9	70,0	172,0	320,9	
44	Đỗ Nhật Linh		13/12/1996	Cao đẳng	Giáo dục công dân	Trường THCS Nguyễn Huệ	70,9	70,9	168,0	309,8	
45	Nguyễn Thị Kiều Oanh		10/02/1989	Đại học	GD Chính trị	Trường THCS Nguyễn Huệ	69,8	70,0	Vắng	139,8	
46	Phạm Thị Lộc		18/01/1993	Đại học	SP Sinh học	Trường THCS Nguyễn Huệ	73,3	73,3	128,0	274,6	
47	Nguyễn Thị Loan		02/02/1991	Đại học	SP Ngữ văn	Trường THCS Quang Trung	74,6	74,6	Vắng	149,2	Không đạt
48	Trần Thị Thanh Thảo		08/09/1989	Đại học	GD Chính trị	Trường THCS Quang Trung	73,0	65,0	146,0	284,0	
49	Nguyễn Quang Tuấn	01/08/1980		Cao đẳng	SP GDCCD - Sử	Trường THCS Quang Trung	68,5	70,0	92,0	230,5	Không đạt
50	Võ Thị Mỹ Hạnh		07/09/1995	Đại học	GD Chính trị	Trường THCS Quang Trung	71,0	71,0	156,0	298,0	
51	Nguyễn Thiên An		19/07/1992	Đại học	SP Mỹ thuật	Trường THCS Khánh Hội A	71,1	71,1	156,0	298,2	
52	Phạm Ngọc Lý		24/01/1994	Đại học	GD Chính trị	Trường THCS Khánh Hội A	75,9	75,9	Vắng	151,8	Không đạt
53	Đỗ Trung Dũng	14/03/1993		Đại học	GD Thẻ chất	Trường THCS Khánh Hội A	70,6	72,5	150,0	293,1	
54	Trần Thị Ngọc Bích		30/01/1991	Đại học	GD Thẻ chất	Trường THCS Khánh Hội A	73,8	73,8	Vắng	147,6	Không đạt
55	Danh Mạnh	06/07/1990		Đại học	GD Thẻ chất	Trường THCS Tăng Bạt Hổ A	77,6	77,6	96,0	251,2	Không đạt
56	Nguyễn Thị Thu Thủy		18/08/1996	Cao đẳng	Thư ký văn phòng	Trường TH Tăng Bạt Hổ B	74,0	74,0	160,0	308,0	